

Số : **62/TANDTC-TĐKT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2012

HƯỚNG DẪN
MỘT SỐ NỘI DUNG CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG
TRONG NGÀNH TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ,

Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tòa án nhân dân như sau:

Phần I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. ĐỐI TƯỢNG THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

1. Các tập thể trong ngành Tòa án nhân dân gồm:

a) Đơn vị cơ sở:

- Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh;
- Các Tòa án nhân dân cấp huyện;

b) Tập thể nhỏ:

- Các tập thể trong các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao;
- Các tập thể thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

2. Các cá nhân:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên trong biên chế của ngành Tòa án nhân dân (kể cả công chức đang trong thời gian tập sự);

b) Người lao động đang làm việc trong các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ “Về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp” và có tổng thời gian lao động liên tục từ 01 năm trở lên;

c) Các Hội thẩm nhân dân.

3. Các đơn vị trong ngành Tòa án quân sự, các sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, chiến sỹ đang làm việc trong các đơn vị Tòa án quân sự; các Hội thẩm quân nhân.

4. Các đơn vị, tập thể và cá nhân thuộc ngành khác có đóng góp tích cực đối với công tác của ngành Tòa án nhân dân.

II. NGUYÊN TẮC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ CĂN CỨ XÉT KHEN THƯỞNG

1. Nguyên tắc thi đua:

Công tác thi đua phải đảm bảo các nguyên tắc:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai, tránh phô trương hình thức;
- b) Đảm bảo đoàn kết nội bộ, vì sự phát triển của mỗi cá nhân, tập thể nhỏ, đơn vị cơ sở và của ngành Tòa án nhân dân.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

Việc khen thưởng phải đảm bảo các nguyên tắc:

- a) Đúng pháp luật, kịp thời, dân chủ, công khai, công bằng, đúng người, đúng thủ tục và đúng thực chất thành tích;
- b) Đảm bảo thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;
- c) Kết hợp chặt chẽ giữa động viên tinh thần với khuyến khích vật chất và chính sách, chế độ đãi ngộ.

3. Căn cứ xét khen thưởng:

- a) Phong trào thi đua, kết quả công tác, thành tích đã đạt được;
- b) Mức độ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích;
- c) Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đã đăng ký, tiêu chuẩn và tỷ lệ khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng quy định;
- d) Vai trò, trách nhiệm cá nhân và hoàn cảnh lập được thành tích.

4. Một số lưu ý khi vận dụng nguyên tắc thi đua, khen thưởng:

- a) Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng không chỉ là sự ghi nhận kết quả, thành tích đã đạt được trên cơ sở các chỉ tiêu công tác cụ thể, mà còn bao hàm ý nghĩa ghi nhận sự vượt trội, nổi bật của các tập thể, cá nhân được khen thưởng so với các tập thể và cá nhân khác.

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; các tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua đều phải đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

c) Tập thể, cá nhân hoàn thành nhiệm vụ là tập thể, cá nhân hoàn thành các chỉ tiêu công tác do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương, Thủ trưởng các đơn vị cơ sở xác định hàng năm và không thuộc các trường hợp không được xét khen thưởng quy định tại Mục II, phần II của công văn này. Việc xét khen thưởng phải căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả đạt được qua các phong trào thi đua, công lao đóng góp, cống hiến cho thành tích chung của mỗi tập thể, của ngành, của địa phương; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, không nhất thiết phải khen thưởng tuần tự các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng từ thấp lên cao; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn hoặc thành tích có phạm vi ảnh hưởng lớn thì được ưu tiên xem xét, đề nghị khen thưởng hoặc khen thưởng ở mức cao hơn. Không khen thưởng tràn lan làm giảm tác dụng động viên, thúc đẩy phong trào; tránh tình trạng cả nể, nhường nhịn hoặc chỉ tập trung đề nghị khen thưởng cho cán bộ lãnh đạo.

d) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” là những danh hiệu thi đua quan trọng, được sử dụng làm căn cứ để xét khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác cao hơn. Do đó, khi xét khen thưởng những danh hiệu này, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phải thực hiện chặt chẽ, đúng thủ tục và đúng thực chất thành tích.

đ) Việc xét, đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước phải căn cứ vào bề dày thành tích đã đạt được trong quá trình xét khen. Tuy nhiên, bề dày thành tích không phải đơn thuần chỉ là việc cộng dồn những danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đã đạt được, mà phải đặc biệt chú ý đến yếu tố **“tiêu biểu, nổi bật, tầm ảnh hưởng và sự lan tỏa của những thành tích đó đối với thành tích chung của đơn vị và của ngành”**. Do đó, chỉ xét, đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước đối với những tập thể, cá nhân thực sự tiêu biểu, nổi bật; thực sự là những tấm gương sáng để học tập và nhân rộng trong toàn ngành Tòa án nhân dân.

e) Đối với các trường hợp cán bộ nữ nghỉ thai sản hưởng chế độ theo quy định của Nhà nước, những người phải nghỉ việc để điều trị, điều dưỡng các thương tật phát sinh trong khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản, thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xem xét, đề nghị khen thưởng.

f) Việc trừ điểm thi đua hoặc không xét khen thưởng trong các trường hợp có án bị hủy, bị sửa **chỉ áp dụng đối với các vụ án bị hủy, bị sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán**. Đối với các vụ án bị hủy một phần thì cứ 2 vụ hủy một phần được tính bằng 1 vụ hủy toàn bộ.

g) Các trường hợp được cử đi học dưới 01 năm, nếu có điểm tổng kết trung bình của cả đợt học, kỳ học từ 6,0 điểm trở lên (không có môn nào phải thi lại), chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo thì kết hợp với thời gian công tác tại đơn vị để bình xét, đề nghị khen thưởng như bình thường. Các trường hợp được cử đi học từ 01 năm trở lên, có điểm tổng kết trung bình của cả đợt học, kỳ học, năm học từ 6,0 điểm trở lên (không có môn nào phải thi lại), chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo thì được tính tương đương danh hiệu “Lao động tiên tiến” để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác cao hơn.

III. HÌNH THỨC, NỘI DUNG THI ĐUA VÀ CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG

1. Hình thức tổ chức thi đua:

Điều 6 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP quy định thi đua có 02 hình thức: thi đua thường xuyên và thi đua theo đợt.

a) Thi đua thường xuyên: là hình thức thi đua được tổ chức thường xuyên trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân, nhằm thực hiện tốt nhất công việc hằng ngày, hằng tháng, hằng quý, hằng năm của cơ quan, đơn vị. Thi đua thường xuyên áp dụng giữa các cá nhân trong một tập thể, giữa các tập thể trong cùng một đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc giống nhau hoặc gần giống nhau.

Thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được chia theo cụm thi đua để ký kết giao ước thi đua, thực hiện việc đăng ký giao ước thi đua giữa các tập thể, cá nhân; kết thúc năm công tác tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua; những tập thể, cá nhân có đăng ký thi đua thì mới được bình xét danh hiệu thi đua.

b) Thi đua theo đợt, thi đua theo chuyên đề: là hình thức thi đua nhằm giải quyết tốt những nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong một thời gian nhất định (VD: *Thi đua lập thành tích chào mừng ngày truyền thống của ngành Tòa án nhân dân*) hoặc giải quyết những công việc khó khăn, bức xúc nhất, những việc còn yếu kém, tồn đọng (VD: *Giải quyết án tồn đọng*). Thi đua theo đợt được phát động khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu và thời gian, nhằm hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Tùy theo mục tiêu, phạm vi thi đua, thi đua theo đợt có thể tổ chức trong phạm vi một tập thể nhỏ, trong đơn vị cơ sở, trong cụm thi đua hoặc trong toàn ngành. Hình thức tổ chức phát động thi đua phải thiết thực, đa dạng và phong phú có sức lôi cuốn đa số cán bộ, công chức hăng hái tham gia. Tập thể, cá nhân nào hoàn thành sớm mục tiêu thi đua phải được biểu dương, khen thưởng kịp thời.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua:

a) Trước khi tổ chức phong trào thi đua, cần xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các nội dung và chỉ tiêu thi đua cụ thể. Việc

xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tiễn của từng đơn vị và có tính khả thi.

b) Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công việc, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua phù hợp; chú trọng tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của cán bộ, công chức; đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua, tránh các biểu hiện phô trương, hình thức trong hoạt động thi đua.

c) Triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, kiểm tra, theo dõi quá trình tổ chức thi đua; tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm trong việc tổ chức thi đua.

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào, đánh giá kết quả thi đua; đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua phải tiến hành tổng kết phong trào, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua để kịp thời biểu dương, khen thưởng.

3. Các loại hình khen thưởng:

a) Khen thưởng thường xuyên: Là loại hình khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc năm công tác, gồm: Các danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương và Chánh án Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Khen thưởng thường xuyên thực hiện mỗi năm 1 đợt vào dịp tổng kết công tác hàng năm;

b) Khen thưởng cấp Nhà nước: Là loại hình khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đã lập được thành tích xuất sắc, tiêu biểu, nổi bật trong một giai đoạn công tác nhiều năm. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ. Việc xét, đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước **thực hiện mỗi năm 1 đợt, vào giữa năm công tác.**

c) Khen thưởng quá trình cống hiến: Là loại hình khen thưởng đối với các cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng; đã giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong ngành Tòa án nhân dân, trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể; có công lao và thành tích trong công tác. Khen thưởng quá trình cống hiến **thực hiện mỗi năm 1 đợt, vào giữa năm công tác.**

d) Khen thưởng đột xuất: Là loại hình khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đã lập được thành tích đột xuất, xuất sắc, tiêu biểu, có tác dụng nêu gương trong từng đơn vị hoặc trong toàn ngành. Khen thưởng đột xuất thực hiện ngay sau khi lập được thành tích xuất sắc đột xuất. Thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công tác bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận.

đ) Khen thưởng từng mặt công tác, khen thưởng theo đợt thi đua, theo các chuyên đề: Là loại hình khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đã lập được thành tích xuất sắc trong một mặt công tác cụ thể hoặc trong các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề công tác. Việc khen thưởng này thực hiện khi kết thúc năm công tác hoặc kết thúc các đợt thi đua ngắn ngày, các đợt thi đua theo chuyên đề.

e) Khen thưởng đối ngoại: Là loại hình khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, các đơn vị, tập thể và cá nhân thuộc ngành khác, nhưng có công lao, thành tích, đóng góp tích cực trong các lĩnh vực công tác của ngành Tòa án nhân dân.

4. Trách nhiệm của các tập thể, cá nhân trong việc triển khai tổ chức phong trào thi đua:

a) Ban cán sự Đảng, cấp ủy Đảng, lãnh đạo các đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng, xây dựng phong trào thi đua trở thành hoạt động thường xuyên trong mỗi đơn vị.

b) Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các tổ chức đoàn thể phát động, tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình tiên tiến trong công tác.

c) Các cán bộ, công chức và nhân viên phải tự giác, nhiệt tình tham gia phong trào thi đua.

5. Trách nhiệm của tập thể, cá nhân làm công tác thi đua, khen thưởng:

Căn cứ vào nhiệm vụ và kế hoạch công tác hàng năm, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, tập thể và cán bộ, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm:

a) Tham mưu, giúp thủ trưởng đơn vị cụ thể hoá và thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tòa án nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung thi đua, khen thưởng cho từng thời kỳ, từng giai đoạn và từng lĩnh vực công tác, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của ngành và của đơn vị; xây dựng chính sách khen thưởng và các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng.

b) Giúp thủ trưởng các đơn vị tổ chức các phong trào thi đua; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; tổng hợp đề nghị khen thưởng của các đơn vị, tập thể và cá nhân; xem xét, thẩm định, đề xuất khen thưởng đảm bảo chính xác, kịp thời, đúng quy định của pháp luật; phát hiện, xây dựng điển hình tiên tiến, đúc rút, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng phong trào thi đua và các điển hình tiên tiến; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức các phong trào thi đua và đề nghị khen thưởng; lập kế hoạch tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; kiểm tra việc thực

hiện các quy định về chính sách khen thưởng; giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng.

6. Trách nhiệm trong công tác thông tin, tuyên truyền:

Báo Công lý, Tạp chí Tòa án nhân dân, Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; lập trang chuyên đề để tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng; về những tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua của ngành Tòa án nhân dân.

Các tập thể, cá nhân trong ngành Tòa án nhân dân có trách nhiệm phối hợp thực hiện các hoạt động viết bài, đưa tin, tuyên truyền khi được yêu cầu.

Phần II

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

I. CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

1. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thường xuyên:

a) Các danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- Tập thể lao động tiên tiến;
- Tập thể lao động xuất sắc;
- Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân ;
- Cờ thi đua của Chính phủ.

b) Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- Lao động tiên tiến;
- Chiến sĩ thi đua cơ sở;
- Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân;

c) Các hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân:

- Giấy khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Giấy khen của Chánh án Tòa án quân sự Trung ương, Giấy khen của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

- Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án”;

2. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước:

- a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;
- b) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- c) Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba;

d) Huân chương Độc lập hạng Nhất, Nhì, Ba;

e) Các hình thức khen thưởng cấp nhà nước khác: *Xem chi tiết tại Chương III Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.*

II. CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC XÉT KHEN THƯỞNG HOẶC HẠ MỨC KHEN THƯỞNG

1. Đối với tập thể:

a) Không tổ chức phong trào thi đua; không đăng ký thi đua; không có báo cáo thành tích;

b) Có cán bộ bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc có căn cứ vi phạm kỷ luật, đang trong thời gian xem xét, chờ xử lý;

c) Có cán bộ bị khởi tố về hình sự hoặc có căn cứ vi phạm pháp luật đang trong thời gian xem xét, chờ xử lý;

d) Có vụ án xét xử oan người không có tội hoặc bỏ lọt người phạm tội; tỷ lệ xét xử án hình sự dưới 85%; không thụ lý đơn khởi kiện các vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, hành chính, kinh doanh thương mại theo đúng quy định của pháp luật hoặc tỷ lệ giải quyết một trong các loại án này dưới 75%; không ra quyết định, bỏ sót, bỏ lọt dẫn đến hết thời hiệu thi hành án hình sự;

đ) Quản lý Ngân sách không tốt để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng;

e) Làm mất, làm hỏng nghiêm trọng vật chứng, tài sản, hồ sơ vụ án;

f) Tập thể nhỏ, đơn vị cơ sở có đơn thư tố giác cán bộ kéo dài nhưng không giải quyết dứt điểm, nội bộ mất đoàn kết.

2. Đối với cá nhân:

a) Không đăng ký thi đua; không có báo cáo thành tích;

b) Bị xử phạt hành chính; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc có căn cứ vi phạm kỷ luật, đang trong thời gian xem xét, chờ xử lý;

c) Bị khởi tố về hình sự hoặc có căn cứ vi phạm pháp luật đang trong thời gian xem xét, chờ xử lý;

d) Đối với các đơn vị cơ sở, tập thể nhỏ không được xét khen thưởng theo quy định tại Khoản 1, mục II, phần II của văn bản này, thì tùy từng trường hợp cụ thể và phạm vi ảnh hưởng của chức vụ lãnh đạo, các cá nhân sau đây bị hạ mức khen thưởng hoặc không được xét khen thưởng: Thủ trưởng đơn vị cơ sở, thủ trưởng tập thể nhỏ, cán bộ lãnh đạo phụ trách trực tiếp của tập thể, cá nhân có vi phạm; các thành viên Hội đồng xét xử của vụ án xét xử oan người không có tội hoặc bỏ lọt người phạm tội;

đ) Cán bộ, công chức, nhân viên có tổng số ngày nghỉ làm việc vì lý do cá nhân từ 40 ngày trở lên trong 01 năm (không tính thời gian nghỉ phép hàng năm

theo quy định và các trường hợp quy định tại Điểm e, khoản 4, mục II, phần I của văn bản này); cán bộ, công chức, nhân viên mới tuyển dụng, có thời gian công tác chưa đủ 10 tháng; cán bộ, công chức, nhân viên đi công tác, đi học nước ngoài trên 3 tháng;

e) Cán bộ, công chức, nhân viên được cử đi học nhưng không tốt nghiệp khoá học vì lý do cá nhân hoặc có điểm tổng kết trung bình của đợt học, kỳ học, năm học dưới 6,0 điểm.

3. Các trường hợp thực hiện không đúng quy định, hướng dẫn của ngành về công tác thi đua, khen thưởng:

a) Các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng không đúng tiêu chuẩn và điều kiện khen thưởng, không đúng thời điểm khen thưởng, vượt quá chỉ tiêu khen thưởng được phân bổ, vi phạm trong việc lập hồ sơ đề nghị khen thưởng (như: Báo cáo thành tích không đúng mẫu quy định, báo cáo chậm, nội dung báo cáo không đầy đủ, không chính xác phải làm lại nhiều lần; hồ sơ đề nghị khen thưởng không đầy đủ, không đúng hướng dẫn của ngành, hồ sơ gửi đến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp muộn hơn thời gian quy định...) thì tùy từng mức độ vi phạm có thể không được xem xét, đề nghị khen thưởng.

b) Đối với các đơn vị thực hiện không đúng quy định, hướng dẫn của ngành về công tác thi đua, khen thưởng, thì tập thể đơn vị, Chủ tịch, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng không được xét, đề nghị khen thưởng hoặc hạ mức khen thưởng do không nghiêm túc thực hiện các hướng dẫn của Ngành về tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, thủ tục và hồ sơ đề nghị khen thưởng.

III. TIÊU CHUẨN CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

A. Đối với các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

1.1. Cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” là người đạt chất lượng, hiệu quả cao trong công tác, học tập được lựa chọn trong số những người hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt chất lượng, hiệu quả công tác cao; đối với các Thẩm phán: số án bị huỷ không vượt quá **1,16%** hoặc số án bị sửa không vượt quá **4,20 %** so với số án đã giải quyết, xét xử;

b) Có đạo đức tốt, lối sống lành mạnh; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế, kỷ luật lao động của cơ quan; có tinh thần tự lực cánh sinh; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp; tích cực tham gia các phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Được ít nhất 2/3 cán bộ, công chức của tập thể nhỏ suy tôn, giới thiệu;

1.2. Việc xét và tặng thưởng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với cá nhân thuộc Toà án nhân dân tối cao do Chánh án Toà án nhân dân tối cao quyết định. Việc xét và tặng thưởng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với cá nhân thuộc Toà án nhân dân địa phương do Chánh án Toà án nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:

2.1. Cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:

a) Là người xuất sắc, tiêu biểu, được lựa chọn trong số những người đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu công tác; có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, có giải pháp công tác, có kế hoạch làm việc khoa học, có đề tài khoa học hoặc áp dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác;

c) Được ít nhất 2/3 cán bộ, công chức của tập thể nhỏ suy tôn, giới thiệu.

2.2. Sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, kế hoạch làm việc khoa học, đề tài khoa học hoặc áp dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bao gồm: Các sáng kiến, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng; sáng kiến cải tiến lề lối làm việc, cải cách thủ tục hành chính; sử dụng có hiệu quả các thành tựu công nghệ khoa học tiên tiến để nâng cao hiệu quả công tác chung; các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật; các báo cáo chuyên đề, các bài báo hoặc chuyên đề, đề tài khoa học đã được đăng, được nghiệm thu có nội dung xây dựng, hoàn thiện văn bản pháp luật hoặc xây dựng ngành; các tờ trình Ủy ban Thẩm phán, các tờ trình Hội đồng Thẩm phán, các bản án hoặc biên bản phiên tòa đúng quy định pháp luật, có tính chất mẫu mực; các Báo cáo tổng kết công tác của ngành Tòa án nhân dân.

2.3. Số lượng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được phân bổ như sau:

a) Các tập thể được đề nghị khen thưởng từ danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” trở lên: Số lượng cá nhân được đề nghị khen thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không vượt quá **25%** tổng biên chế của đơn vị cơ sở.

b) Các tập thể khác: Số lượng cá nhân được đề nghị khen thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không vượt quá **20%** tổng biên chế của đơn vị cơ sở.

2.4. Việc xét và tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” đối với cá nhân thuộc Toà án nhân dân tối cao do Chánh án Toà án nhân dân tối cao quyết định. Việc xét và tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” đối với cá nhân thuộc Toà án nhân dân địa phương do Chánh án Toà án nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân”:

3.1. Cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân”:

a) Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu công tác; có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, được lựa chọn trong số những người có 3 năm liên tục được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, có giải pháp công tác, có kế hoạch làm việc khoa học, có đề tài khoa học hoặc áp dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác và các thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, kế hoạch làm việc, đề tài nghiên cứu có tác dụng ảnh hưởng trong toàn ngành;

c) Được ít nhất 2/3 cán bộ, công chức của đơn vị cơ sở suy tôn, giới thiệu.

3.2. Số lượng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” không vượt quá 5% tổng biên chế của các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao hoặc của ngành Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao có dưới 20 biên chế được giới thiệu 01 cá nhân để xét, tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân”.

3.3. Việc xét và tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

4. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”:

4.1. Tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành nhiệm vụ. Tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch, chỉ tiêu công tác được giao; số án bị huỷ không vượt quá 1,16% hoặc số án bị sửa không vượt quá 4,20% so với số án đã giải quyết;

b) Tổ chức phong trào thi đua nền nếp, thường xuyên và có hiệu quả;

c) Là tập thể đoàn kết, chấp hành tốt đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế, kỷ luật lao động của cơ quan;

d) Có trên 50 % cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

4.2. Việc xét và tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” đối với tập thể thuộc Tòa án nhân dân tối cao do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định. Việc xét và tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” đối với tập thể thuộc Tòa án nhân dân địa phương do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định.

5. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

5.1. Tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

a) Là tập thể xuất sắc, tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”;

b) Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu công tác; số án bị huỷ không vượt quá 1% hoặc số án bị sửa không vượt quá 3% so với số án đã giải quyết;

c) Là tập thể đoàn kết, trong sạch, vững mạnh; gương mẫu, đi đầu trong việc chấp hành đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế, kỷ luật lao động của cơ quan; xây dựng phong trào thi đua thường xuyên, có hiệu quả;

d) Có 100 % cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

e) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; không có cá nhân bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5.2. Việc xét và tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” do Chánh án Toà án nhân dân tối cao quyết định. Số lượng tập thể được đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không vượt quá 50 % số lượng các tập thể.

B. Đối với hình thức khen thưởng Giấy khen và Bằng khen

1. Hình thức khen thưởng Giấy khen:

1.1. Giấy khen là hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân, được xét vào dịp tổng kết năm công tác; khi kết thúc một đợt thi đua ngắn ngày hoặc thi đua theo chuyên đề; khi lập thành tích xuất sắc một mặt công tác; khi lập thành tích đột xuất; gương người tốt, việc tốt.

1.2. Vào dịp tổng kết năm công tác, các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây có thể được xét, đề nghị tặng thưởng Giấy khen:

a) Đối với tập thể: là tập thể tiêu biểu trong số những tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”; số lượng tập thể được tặng Giấy khen không vượt quá 50 % số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

b) Đối với cá nhân: là người tiêu biểu trong số những người đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; số lượng cá nhân được tặng Giấy khen không vượt quá 30% số Lao động tiên tiến;

Không xét, tặng thưởng Giấy khen vào dịp tổng kết công tác cuối năm cho các tập thể đã được tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc cho các cá nhân đã được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

1.3. Việc xét và tặng thưởng Giấy khen đối với tập thể, cá nhân thuộc Toà án nhân dân tối cao do Chánh án Toà án nhân dân tối cao quyết định.

Việc xét và tặng thưởng Giấy khen đối với tập thể, cá nhân và Hội thẩm nhân dân thuộc Tòa án nhân dân địa phương do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Việc xét và tặng thưởng Giấy khen đối với tập thể, cá nhân trong ngành Tòa án quân sự và Hội thẩm quân nhân do Chánh án Tòa án quân sự trung ương quyết định.

2. Hình thức khen thưởng Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao:

2.1. Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc ngành Tòa án nhân dân, được xét và tặng thưởng vào dịp: Tổng kết năm công tác; khi kết thúc một đợt thi đua ngắn ngày hoặc thi đua theo chuyên đề; khi lập thành tích xuất sắc một mặt công tác; khi lập thành tích xuất sắc đột xuất; gương người tốt, việc tốt tiêu biểu, có tác dụng giáo dục, nêu gương trong toàn ngành.

2.2. Vào dịp tổng kết năm công tác, tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây có thể được xét, đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao:

a) Đối với cá nhân: là những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 2 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Đối với tập thể nhỏ: là những tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 2 năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;

c) Đối với đơn vị cơ sở: là đơn vị hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu thi đua nhưng chưa đủ điều kiện để xét, tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”;

2.3. Việc xét và tặng thưởng Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với tập thể, cá nhân thuộc ngành Tòa án nhân dân, đối với Hội thẩm nhân dân và Hội thẩm quân nhân do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

Việc xét, đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao vào dịp tổng kết năm công tác đối với các đơn vị cơ sở, các Tòa án quân sự, các Hội thẩm nhân dân và Hội thẩm quân nhân được thực hiện hàng năm.

C. Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” và danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”:

1.1. Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, các Tòa án nhân dân cấp huyện và các đơn vị thuộc ngành Tòa án quân sự đạt các tiêu chuẩn sau đây có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”:

a) Là tập thể xuất sắc, tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; năm trước đó được tặng thưởng từ danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” trở lên;

b) Hoàn thành vượt mức, toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác trong năm với chất lượng cao;

c) Nội bộ đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, tích cực tổ chức phong trào thi đua; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội có hiệu quả;

d) Được ít nhất 2/3 số đơn vị trong cụm thi đua tín nhiệm, bỏ phiếu suy tôn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của cụm thi đua.

1.2. Việc xét và tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định. Số lượng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” được phân bổ như sau:

a) Cụm thi đua số I gồm 14 Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ, được xét, đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua cho 5 đơn vị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 22 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện.

b) Cụm thi đua số II gồm 14 Tòa án nhân dân các tỉnh thuộc vùng miền núi phía Bắc, được xét, đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua cho 5 đơn vị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 17 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện.

c) Cụm thi đua số III gồm 13 Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc vùng duyên hải miền Trung và Tây nguyên, được xét, đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua cho 5 đơn vị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 17 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện.

d) Cụm thi đua số IV gồm 9 Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc vùng miền Đông Nam bộ, được xét, đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua cho 4 đơn vị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 11 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện.

đ) Cụm thi đua số V gồm 13 Tòa án nhân dân các tỉnh thuộc vùng miền Tây Nam bộ, được xét, đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua cho 5 đơn vị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 17 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện.

e) Cụm thi đua các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao được xét chọn, đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua cho 3 đơn vị.

f) Cụm thi đua ngành Tòa án quân sự được xét chọn, đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua cho 4 đơn vị.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”:

2.1. Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, các Tòa án nhân dân cấp huyện đạt các tiêu chuẩn sau đây có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”:

a) Là đơn vị tiêu biểu, xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua của ngành Tòa án nhân dân; được lựa chọn trong số các tập thể ***đã được xét, đề nghị tặng thưởng***

danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1, mục III.C Phần II của văn bản này;

b) Hoàn thành vượt mức, toàn diện chỉ tiêu thi đua và các nhiệm vụ công tác trong năm với chất lượng, hiệu quả cao;

c) Nội bộ đoàn kết, trong sạch, vững mạnh; đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội;

d) Được ít nhất 2/3 số đơn vị trong cụm thi đua tín nhiệm, bỏ phiếu suy tôn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của ngành Tòa án nhân dân;

2.2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” do Tòa án nhân dân tối cao xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định khen thưởng. Số lượng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” nằm trong số lượng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1, mục III.C Phần II của văn bản này và được phân bổ như sau:

a) Cụm thi đua số I được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho 1 đơn vị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 4 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện.

b) Cụm thi đua số II được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho 1 đơn vị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 3 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện.

c) Cụm thi đua số III được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho 1 đơn vị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 3 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện.

d) Cụm thi đua số IV được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho 1 đơn vị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 2 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện.

đ) Cụm thi đua số V được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho 1 đơn vị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 3 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện.

e) Cụm thi đua các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao được xét chọn, đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua cho 1 đơn vị.

** Theo quy định của Bộ Quốc phòng, việc xét chọn và đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho các đơn vị thuộc ngành Tòa án quân sự do Bộ Quốc phòng thực hiện.*

3. Quy trình bình xét, suy tôn danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” và “Cờ thi đua của Chính phủ”:

3.1. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm đánh giá thành tích của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và các Tòa án nhân dân cấp huyện; quyết định lựa chọn, giới thiệu các tập thể

có thành tích xuất sắc nhất, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” và “Cờ thi đua của Chính phủ”; lập hồ sơ gửi Trưởng cụm thi đua để tổng hợp, đưa ra bình chọn tại Hội nghị thi đua cụm. Mỗi tỉnh, thành phố chỉ được lựa chọn, giới thiệu 01 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện cho danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” và lựa chọn, giới thiệu không quá 10% số đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện cho danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”. Riêng các tỉnh, thành phố có dưới 10 đơn vị hành chính cấp huyện được lựa chọn, giới thiệu 01 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện. Đơn vị nào giới thiệu nhiều hơn số lượng được phân bổ, thì các tập thể thuộc đơn vị đó không được xét, tặng thưởng danh hiệu Cờ thi đua.

3.2. Trên cơ sở đề nghị của Hội nghị thi đua đơn vị cơ sở, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm đánh giá thành tích của đơn vị mình, quyết định việc đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” hoặc “Cờ thi đua của Chính phủ” và lập hồ sơ gửi Trưởng cụm thi đua để tổng hợp, đưa ra bình chọn tại Hội nghị thi đua cụm.

3.3. Căn cứ đăng ký thi đua và đề nghị khen thưởng của các đơn vị trong cụm, Trưởng cụm thi đua phải tổ chức kiểm tra chéo thành tích của các tập thể có đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” và “Cờ thi đua của Chính phủ”. Tại Hội nghị cụm thi đua, Trưởng cụm thi đua thông báo kết quả kiểm tra chéo và đưa ra bình xét danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”, danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” đối với các tập thể đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện khen thưởng.

3.4. Trình tự tiến hành bỏ phiếu:

- Bước 1, chọn tập thể đạt danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”: Hội nghị cụm thi đua tiến hành bỏ phiếu suy tôn, lựa chọn các tập thể đạt danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”. Số tập thể Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện được lựa chọn tại vòng bỏ phiếu này không được vượt quá số lượng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” được phân bổ theo nội dung hướng dẫn về danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” tại điểm 1.2 khoản 1 mục III.C phần II của văn bản này.

- Bước 2, chọn tập thể đạt danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”: Từ danh sách các tập thể đã được lựa chọn tại vòng bỏ phiếu suy tôn tập thể đạt danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”, Hội nghị cụm thi đua lựa chọn các tập thể có đủ tiêu chuẩn và có đăng ký danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tiến hành bỏ phiếu suy tôn, lựa chọn các tập thể đạt danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”. Số tập thể Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện được lựa chọn tại vòng bỏ phiếu này không được vượt quá số lượng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được phân bổ theo nội dung hướng dẫn về danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” tại điểm 2.2 khoản 2 mục III.C phần II của văn bản này.

*** Lưu ý:**

- Nếu trong cụm thi đua không lựa chọn đủ số Toà án nhân dân cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Toà án nhân dân”, thì có thể điều chuyển để đề nghị tặng thưởng cho Toà án nhân dân cấp huyện trong cùng cụm có đủ tiêu chuẩn.

- Tập thể nào có đăng ký danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, nhưng kết quả bỏ phiếu không đạt danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”, thì không được tham gia vòng bỏ phiếu lựa chọn tập thể đạt danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” và không được đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”.

- Các tập thể được tham gia vòng bỏ phiếu suy tôn đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, nhưng không đạt đủ số phiếu theo quy định thì đương nhiên được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”.

3.5. Căn cứ kết quả các vòng bỏ phiếu, Trưởng cụm thi đua lập Tờ trình đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Toà án nhân dân” và “Cờ thi đua của Chính phủ” kèm theo Bảng tổng hợp kết quả công tác xét xử của toàn bộ các đơn vị trong Cụm thi đua (Phụ lục 2 - Số liệu công tác xét xử) gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Toà án nhân dân trong thời gian quy định.

3.6. Các tập thể được đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Toà án nhân dân” và “Cờ thi đua của Chính phủ” hoàn thiện hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Toà án nhân dân trong thời gian quy định.

3.7. Cụm thi đua nào lựa chọn, suy tôn danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Toà án nhân dân” và “Cờ thi đua của Chính phủ” nhiều hơn số lượng được phân bổ, thì các tập thể được suy tôn thuộc đơn vị Trưởng cụm, Phó Trưởng cụm thi đua không được xem xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu Cờ thi đua.

3.8. Ngoài các tập thể được các cụm thi đua lựa chọn, căn cứ số lượng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Toà án nhân dân” và “Cờ thi đua của Chính phủ” được phân bổ, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Toà án nhân dân có thẩm quyền trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Toà án nhân dân xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Toà án nhân dân” và “Cờ thi đua của Chính phủ” cho một hoặc nhiều tập thể khác, nếu các tập thể này hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, vượt các chỉ tiêu thi đua và có đăng ký danh hiệu Cờ thi đua.

D. Đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”:

1.1. Cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”:

a) Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu công tác; có thành tích tiêu biểu, xuất sắc nhất, được lựa chọn trong số những người có 2 lần liên tục được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” hoặc 2 lần liên tục: 1 lần được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” và 1 lần được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;

b) Có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, có giải pháp công tác, có kế hoạch làm việc khoa học, có đề tài khoa học hoặc áp dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác và các thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, kế hoạch làm việc, đề tài nghiên cứu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

c) Được ít nhất 75% cán bộ, công chức của đơn vị cơ sở nhất trí suy tôn, giới thiệu.

1.2. Mỗi đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, mỗi đơn vị ngành Tòa án nhân dân cấp tỉnh được lựa chọn, giới thiệu 01 cá nhân tiêu biểu nhất trong số cán bộ, công chức, nhân viên đủ tiêu chuẩn đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” để trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân xem xét, lựa chọn và đề nghị khen thưởng theo quy định.

1.3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định khen thưởng.

2. Hình thức khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

Tập thể, cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau có thể được xét, đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

2.1. Đối với tập thể:

+ Là tập thể xuất sắc tiêu biểu, có ít nhất 3 năm liên tục lập được thành tích xuất sắc, được tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong đó có ít nhất 1 lần được tặng thưởng Bằng khen;

+ Lập thành tích xuất sắc đột xuất.

2.2. Đối với cá nhân:

+ Là người có ít nhất 5 năm liên tục lập thành tích xuất sắc, được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, trong đó có ít nhất 2 lần được tặng thưởng Bằng khen và được ít nhất 75% cán bộ, công chức của đơn vị cơ sở nhất trí suy tôn, giới thiệu;

+ Lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

3. Hình thức khen thưởng Huân chương Lao động:

Tập thể, cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau có thể được xét, đề nghị tặng thưởng Huân chương Lao động:

3.1. Huân chương Lao động hạng Ba:

a) Đối với tập thể:

- + Là tập thể xuất sắc tiêu biểu, có ít nhất 5 năm liên tục lập thành tích xuất sắc, được tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong đó có 2 lần được tặng thưởng Cờ thi đua của ngành, địa phương hoặc 1 lần được tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- + Lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

b) Đối với cá nhân:

- + Là người có ít nhất 7 năm liên tục lập thành tích xuất sắc, được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, trong đó có 3 lần được tặng thưởng Bằng khen của ngành, địa phương hoặc 1 lần được tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; được ít nhất 75% cán bộ, công chức của đơn vị cơ sở nhất trí suy tôn, giới thiệu;

- + Lập được thành tích xuất sắc đột xuất;

- + Có quá trình cống hiến lâu dài trong ngành Tòa án nhân dân:

- Các cá nhân đã tham gia 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (từ năm 1945 đến 30/4/1975); hoạt động liên tục, có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; không phạm khuyết điểm lớn, đã từng giữ chức vụ: Chánh tòa, Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương tại cơ quan Tòa án nhân dân tối cao và Trọng tài kinh tế nhà nước, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thời gian giữ các chức vụ trên là 5 năm; Phó Chánh tòa, Phó Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương tại cơ quan Tòa án nhân dân tối cao và Trọng tài kinh tế nhà nước, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thời gian giữ các chức vụ trên từ 6 năm đến dưới 10 năm;

- Các cá nhân đã tham gia kháng chiến chống Mỹ (từ năm 1954 đến 30/4/1975) và tham gia thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (từ 30/4/1975 đến nay); hoạt động liên tục, có nhiều thành tích xuất sắc; không phạm khuyết điểm lớn, đã từng giữ chức vụ: Chánh tòa, Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương tại cơ quan Tòa án nhân dân tối cao và Trọng tài kinh tế nhà nước, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thời gian giữ các chức vụ trên từ 6 năm đến 10 năm; Phó Chánh tòa, Phó Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương tại cơ quan Tòa án nhân dân tối cao và Trọng tài kinh tế nhà nước, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thời gian giữ các chức vụ trên từ 10 năm đến dưới 15 năm;

3.2. Huân chương Lao động hạng Nhì:

a) Đối với tập thể:

- + Đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba từ 5 năm trở lên; 5 năm liên tục trước thời điểm đề nghị khen thưởng lập được thành tích xuất sắc, được tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong đó có hai lần được

tặng thưởng Cờ thi đua của ngành, địa phương hoặc một lần được tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

+ Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất.

b) Đối với cá nhân:

+ Đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba từ 6 năm trở lên; 6 năm liên tục trước thời điểm đề nghị khen thưởng lập được thành tích xuất sắc, được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, trong đó có 2 lần được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” hoặc “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” hoặc một lần được tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; được ít nhất 75% cán bộ, công chức của đơn vị cơ sở nhất trí suy tôn, giới thiệu;

+ Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất;

+ Có quá trình cống hiến lâu dài trong ngành Tòa án nhân dân:

- Các cá nhân đã tham gia 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (từ năm 1945 đến 30/4/1975); hoạt động liên tục, có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; không phạm khuyết điểm lớn, đã từng giữ chức vụ: Chánh tòa, Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương tại cơ quan Tòa án nhân dân tối cao và Trọng tài kinh tế nhà nước, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thời gian giữ các chức vụ trên từ 6 năm đến dưới 10 năm; Phó Chánh tòa, Phó Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương tại cơ quan Tòa án nhân dân tối cao và Trọng tài kinh tế nhà nước, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thời gian giữ các chức vụ trên từ 10 năm trở lên;

- Các cá nhân đã tham gia kháng chiến chống Mỹ (từ năm 1954 đến 30/4/1975) và tham gia thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (từ 30/4/1975 đến nay); hoạt động liên tục, có nhiều thành tích xuất sắc; không phạm khuyết điểm lớn, đã từng giữ chức vụ: Chánh tòa, Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương tại cơ quan Tòa án nhân dân tối cao và Trọng tài kinh tế nhà nước, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thời gian giữ các chức vụ trên từ 10 đến dưới 15 năm; Phó Chánh tòa, Phó Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương tại cơ quan Tòa án nhân dân tối cao và Trọng tài kinh tế nhà nước, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thời gian giữ các chức vụ trên từ 15 năm trở lên;

3.3. Huân chương Lao động hạng Nhất:

a) Đối với tập thể:

+ Đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì từ 5 năm trở lên; 5 năm liên tục trước thời điểm đề nghị khen thưởng lập được thành tích xuất sắc, được tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong đó có ba lần được tặng thưởng Cờ thi đua của ngành, địa phương hoặc hai lần được tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

+ Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất.

b) Đối với cá nhân:

+ Đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì từ 6 năm trở lên; 6 năm liên tục trước thời điểm đề nghị khen thưởng lập được thành tích xuất sắc, được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, trong đó có 1 lần được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; được ít nhất 75% cán bộ, công chức của đơn vị cơ sở nhất trí suy tôn, giới thiệu;

+ Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất;

+ Có quá trình cống hiến lâu dài trong ngành Tòa án nhân dân:

- Các cá nhân đã tham gia 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (từ năm 1945 đến 30/4/1975); hoạt động liên tục, có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; không phạm khuyết điểm lớn, đã từng giữ chức vụ: Chánh tòa, Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương tại cơ quan Tòa án nhân dân tối cao và Trọng tài kinh tế nhà nước, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh; thời gian giữ các chức vụ trên từ 10 năm trở lên;

- Các cá nhân đã tham gia kháng chiến chống Mỹ (từ năm 1954 đến 30/4/1975) và tham gia thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (từ 30/4/1975 đến nay); hoạt động liên tục, có nhiều thành tích xuất sắc; không phạm khuyết điểm lớn, đã từng giữ chức vụ: Chánh tòa, Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương tại cơ quan Tòa án nhân dân tối cao và Trọng tài kinh tế nhà nước, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh; thời gian giữ các chức vụ trên từ 15 năm trở lên.

4. Hình thức khen thưởng Huân chương Độc lập:

Tập thể đạt các tiêu chuẩn sau có thể được xét, đề nghị tặng thưởng Huân chương Độc lập:

4.1. Huân chương Độc lập hạng Ba:

+ Có quá trình xây dựng và phát triển từ 15 năm trở lên;

+ Đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất từ 5 năm trở lên;

+ 5 năm liên tục trước thời điểm đề nghị khen thưởng lập được thành tích xuất sắc, tiêu biểu, trong đó có một lần được tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (hoặc ba lần được tặng thưởng Cờ thi đua của ngành, địa phương);

+ Nội bộ đoàn kết; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

4.2. Huân chương Độc lập hạng Nhì:

+ Có quá trình xây dựng và phát triển từ 20 năm trở lên;

+ Đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba từ 5 năm trở lên;

+ 5 năm liên tục trước thời điểm đề nghị khen thưởng lập được thành tích xuất sắc, tiêu biểu, trong đó hai lần được tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (hoặc có một lần được tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và hai lần được tặng thưởng Cờ thi đua của ngành, địa phương);

+ Nội bộ đoàn kết; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

4.3. Huân chương Độc lập hạng Nhất:

+ Có quá trình xây dựng và phát triển từ 25 năm trở lên;

+ Đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì từ 5 năm trở lên;

+ 5 năm liên tục trước thời điểm đề nghị khen thưởng lập được thành tích xuất sắc, tiêu biểu, trong đó hai lần được tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (hoặc có một lần tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và ba lần được tặng thưởng Cờ thi đua của ngành, địa phương);

+ Nội bộ đoàn kết; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

E. Hình thức khen thưởng Huân chương Độc lập đối với cá nhân, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác

Các hình thức khen thưởng khác của Nhà nước, đề nghị xem hướng dẫn chi tiết tại Chương III Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

IV. VIỆC TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP TOÀ ÁN"

Tiêu chuẩn, đối tượng, thủ tục, hồ sơ và trình tự xét tặng thưởng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Toà án" thực hiện theo Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Toà án", được ban hành kèm theo Quyết định số 40/2007/TA-QĐ-TĐKT ngày 22/6/2007 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐĂNG KÝ THI ĐUA

1. Việc xác định chỉ tiêu thi đua phải có tính khả thi, chỉ tiêu đặt ra phải từ mức tiên tiến trở lên để đảm bảo từng tập thể, cá nhân phải nỗ lực, tích cực phấn đấu mới hoàn thành. Thủ trưởng đơn vị cơ sở chịu trách nhiệm xây dựng chỉ tiêu thi đua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm tổ chức, hoạt động của từng đơn vị, tập thể nhỏ; tổ chức đăng ký các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; phát động các phong trào thi đua và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu thi đua.

2. Việc đăng ký thi đua phải được tiến hành từ các tập thể nhỏ. Thủ trưởng các đơn vị cơ sở có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân danh sách các trường hợp đăng ký khen thưởng cấp Nhà nước và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; theo dõi việc thực hiện đăng ký thi đua của các tập thể, cá nhân.

3. Bản đăng ký thi đua của đơn vị cơ sở phải được gửi cho Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân và Trưởng cụm thi đua trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

4. Các trường hợp sau đây được coi là không đăng ký thi đua:

a) Đăng ký thi đua không rõ ràng, không nêu cụ thể tên của tập thể, cá nhân đăng ký thi đua;

b) Không nêu rõ danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cần đăng ký;

c) Đăng ký thi đua chậm so với thời gian quy định.

II. TỔ CHỨC BÌNH XÉT THI ĐUA VÀ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

1. Quy trình bình xét, đề nghị khen thưởng vào dịp tổng kết công tác:

Trên cơ sở đăng ký thi đua từ đầu năm công tác, các đơn vị cơ sở phải thực hiện bình xét, đánh giá thành tích đối với các tập thể, cá nhân trước khi quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét khen thưởng.

1.1. Đối với Tòa án nhân dân địa phương:

Các trường hợp đề nghị khen thưởng phải làm bản Báo cáo thành tích để trình bày tại cuộc họp cán bộ, công chức các tập thể nhỏ (cuộc họp toàn thể cán bộ, công chức đối với Tòa án nhân dân cấp huyện). Sau khi xem xét, đánh giá thành tích, tiến hành bỏ phiếu kín suy tôn, lựa chọn các tập thể, cá nhân đạt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo trình tự từ thấp lên cao. Thủ trưởng các tập thể nhỏ và Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện lập hồ sơ các trường hợp đủ điều kiện đề nghị khen thưởng, gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh để tổng hợp và trình tại phiên họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng tổ chức phiên họp Hội đồng để tiến hành bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Phiên họp Hội đồng chỉ được tổ chức khi có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng. Tại phiên họp Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng thông báo kết quả đề nghị khen thưởng của các tập thể nhỏ để Hội đồng xem xét, đánh giá thành tích và bỏ phiếu suy tôn các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Chỉ các trường hợp được ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh nhất trí lựa chọn mới được xem xét, đề nghị khen thưởng.

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét, quyết định khen thưởng theo thẩm quyền; lựa chọn, lập hồ sơ các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân.

1.2. Đối với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao:

Các trường hợp đề nghị khen thưởng đều phải làm Báo cáo thành tích để trình bày tại cuộc họp cán bộ, công chức các tập thể nhỏ. Sau khi xem xét, đánh giá thành tích, các tập thể nhỏ tiến hành bỏ phiếu kín suy tôn, lựa chọn các tập thể, cá nhân đạt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo trình tự từ thấp lên cao và lập hồ sơ các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện đề nghị khen thưởng gửi Thủ trưởng đơn vị cơ sở để tổng hợp.

Thủ trưởng đơn vị cơ sở có trách nhiệm tổ chức hội nghị thi đua đơn vị cơ sở với thành phần: Các cán bộ lãnh đạo của đơn vị cơ sở, Bí thư chi bộ, Chủ tịch công đoàn, đại diện các tập thể nhỏ để tiến hành bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Tại hội nghị này, Thủ trưởng đơn vị cơ sở thông báo kết quả đề nghị khen thưởng của các tập thể nhỏ để hội nghị xem xét, đánh giá thành tích và bỏ phiếu kín suy tôn, lựa chọn các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Chỉ các trường hợp được ít nhất 2/3 thành viên tham gia hội nghị nhất trí lựa chọn mới được xem xét, đề nghị khen thưởng.

Đối với các đơn vị có biên chế dưới 20 người hoặc theo cơ cấu tổ chức không được phân chia thành các tập thể nhỏ, thì Thủ trưởng đơn vị cơ sở tổ chức hội nghị toàn thể cán bộ, công chức để xem xét, đánh giá thành tích và bỏ phiếu kín suy tôn, lựa chọn các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Chỉ các trường hợp được ít nhất 2/3 cán bộ, công chức trong đơn vị cơ sở nhất trí lựa chọn mới được xem xét và đề nghị khen thưởng.

Thủ trưởng đơn vị cơ sở chịu trách nhiệm lập hồ sơ các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện đề nghị khen thưởng và gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân để tổng hợp, trình tại phiên họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân.

2. Quy trình bình xét, đề nghị các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước:

Việc khen thưởng các hình thức cấp Nhà nước là công việc định kỳ hàng năm. Đây là hình thức khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đã lập được thành tích xuất sắc trong công tác, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng theo quy định; thành tích đạt được phải thực sự tiêu biểu, nổi bật. Do đó, các đơn vị phải bình xét chặt chẽ, lựa chọn các tập thể, cá nhân xuất sắc, tiêu biểu, nổi bật nhất trong số những trường hợp đủ tiêu chuẩn và điều kiện khen thưởng. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước phải được gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân **trước ngày 30 tháng 4 hàng năm.**

2.1. Quy trình bình xét đối với các tập thể, cá nhân thuộc Tòa án nhân dân địa phương:

a) Các trường hợp đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước đều phải làm Báo cáo thành tích (*Phụ lục 1 - Mẫu báo cáo thành tích*) để trình bày tại cuộc họp cán bộ, công chức của đơn vị cơ sở. Sau khi xem xét, đánh giá thành tích, các đơn vị cơ sở tiến hành bỏ phiếu suy tôn, đề nghị khen thưởng và lập hồ sơ, danh sách các trường hợp được đề nghị khen thưởng gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Chỉ các trường hợp được ít nhất 2/3 cán bộ, công chức trong đơn vị cơ sở nhất trí lựa chọn mới được xem xét và đề nghị khen thưởng.

b) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định thành tích, hồ sơ đề nghị khen thưởng để trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc đề nghị khen thưởng. Chỉ các trường hợp được trên 2/3 tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh nhất trí lựa chọn mới được xem xét, đề nghị khen thưởng.

c) Thủ trưởng đơn vị cơ sở có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân để tổng hợp, thẩm định thành tích, hồ sơ đề nghị khen thưởng và trình tại phiên họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân.

2.2. Quy trình bình xét đối với các tập thể, cá nhân thuộc Tòa án nhân dân tối cao:

a) Các trường hợp đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước đều phải làm Báo cáo thành tích (*Phụ lục 1 - Mẫu báo cáo thành tích*) để trình bày tại cuộc họp cán bộ, công chức đơn vị cơ sở. Sau khi xem xét, đánh giá thành tích, các đơn vị cơ sở tiến hành bỏ phiếu suy tôn, đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước. Chỉ các trường hợp được ít nhất 2/3 cán bộ, công chức trong đơn vị cơ sở nhất trí lựa chọn mới được xem xét và đề nghị khen thưởng.

b) Thủ trưởng đơn vị cơ sở có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân để tổng hợp, thẩm định thành tích, hồ sơ đề nghị khen thưởng và trình tại phiên họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân.

3. Việc khen thưởng thành tích đột xuất:

Việc khen thưởng thành tích đột xuất chỉ áp dụng đối với các tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có tính chất điển hình của toàn ngành. Thủ trưởng đơn vị cơ sở chịu trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất để trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp xem xét ngay sau khi lập được thành tích.

Việc khen thưởng đột xuất về thành tích xét xử các vụ án trọng điểm chỉ thực hiện khi đảm bảo các yếu tố sau đây:

- a) Vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, mang tính chất án điểm của cả nước, được dư luận cả nước quan tâm theo dõi;
- b) Chỉ xét khen thưởng khi bản án đã có hiệu lực pháp luật; đảm bảo chất lượng xét xử đúng quy định của pháp luật; được nhân dân đồng tình ủng hộ;
- c) Được địa phương thống nhất đề nghị khen thưởng.

4. Việc khen thưởng đối với các cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong ngành Tòa án nhân dân:

4.1. Đối tượng khen thưởng: Là các cá nhân đã tham gia trong các giai đoạn cách mạng; đã giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội; có quá trình công tác trong ngành Tòa án nhân dân, có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

4.2. Các cá nhân đã được khen thưởng Huân chương trong quá trình công tác, mà mức khen thưởng đã tương xứng với quá trình cống hiến, thì không thuộc diện đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn có quá trình cống hiến lâu dài trong ngành Tòa án nhân dân.

4.3. Việc khen thưởng đối với các cá nhân có quá trình cống hiến chỉ áp dụng đối với các trường hợp đã từ trần, đã nghỉ hưu mà chưa được khen thưởng. Các trường hợp đang công tác chỉ được xét, đề nghị khen thưởng khi đã đủ 59 tuổi đối với nam và 54 tuổi đối với nữ.

4.4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các cá nhân có quá trình cống hiến trong ngành Tòa án nhân dân phải được gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân **trước ngày 30 tháng 4 hàng năm.**

b) Tổ chức thực hiện:

- Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các cá nhân thuộc Tòa án nhân dân địa phương.

- Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các cá nhân thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

- Vụ Tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm theo dõi, rà soát, tổng hợp danh sách, xác nhận quá trình công tác và phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng thuộc cơ quan Tòa án nhân dân tối cao và Trọng tài kinh tế nhà nước đã nghỉ hưu .

5. Việc khen thưởng đối với Hội thẩm nhân dân:

Căn cứ quá trình tham gia hoạt động xét xử và thành tích cụ thể của các Hội thẩm nhân dân, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Toà án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Toà án nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lựa chọn, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với Hội thẩm nhân dân để Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Toà án nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Chánh án Toà án nhân dân cấp tỉnh quyết định khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

Hình thức khen thưởng đối với Hội thẩm nhân dân là Giấy khen của Chánh án Toà án nhân dân cấp tỉnh, Bằng khen của Chánh án Toà án nhân dân tối cao. Tỷ lệ khen thưởng đối với mỗi hình thức khen thưởng không quá 15 % tổng số Hội thẩm nhân dân của mỗi đơn vị Toà án.

6. Thời gian bình xét thi đua và đề nghị khen thưởng:

Thời gian của năm thi đua được tính từ 01 tháng 10 năm trước đến 30 tháng 9 năm sau. Các đơn vị cơ sở tiến hành tổng kết phong trào thi đua và bình xét thành tích đối với các trường hợp thuộc quyền quản lý trong tháng 10 hàng năm.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng vào dịp tổng kết công tác phải được gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Toà án nhân dân **trước ngày 25 tháng 11 hàng năm**.

7. Hồ sơ đề nghị khen thưởng:

Hồ sơ đề nghị khen thưởng đều phải là bản chính, **không viết tắt**; được đánh máy sạch, đẹp trên khổ giấy A4, không tẩy, xóa, phải được sắp xếp gọn gàng; được lập trước thời điểm trình khen không quá 45 ngày; hồ sơ đề nghị xét khen thưởng không đóng quyển, không phải lưu bản sao các Quyết định khen thưởng.

Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng và Bản tóm tắt thành tích phải nêu đầy đủ các nội dung theo mẫu quy định.

(Xem Phụ lục 1 - Mẫu báo cáo thành tích).

7.1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng dịp tổng kết công tác hàng năm - 1 bộ gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị cơ sở kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

c) Các cá nhân được đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” phải có Báo cáo tóm tắt các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, kế hoạch làm việc khoa học, đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác. Báo cáo này phải được Thủ trưởng đơn vị cơ sở xác nhận.

d) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xét, đánh giá thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng. Đối với các đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao là biên bản Hội nghị thi đua của đơn vị cơ sở;

đ) Quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh về việc tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” (kèm theo danh sách các sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới);

7.2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất - 1 bộ gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị cơ sở kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt thành tích đột xuất; đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Huân chương Lao động phải có 04 bản Báo cáo thành tích và 04 bản tóm tắt thành tích; (*Phụ lục 1 - Mẫu báo cáo thành tích*)

c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh; (Biên bản họp toàn thể cơ quan đối với các trường hợp thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện; Biên bản Hội nghị thi đua đơn vị cơ sở đối với các trường hợp thuộc Tòa án nhân dân tối cao).

7.3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước - 1 bộ gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị cơ sở kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước;

b) 04 bản Báo cáo thành tích và 04 bản tóm tắt thành tích trong quá trình xét khen; (*Phụ lục 1 - Mẫu báo cáo thành tích*)

Các cá nhân được đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải có Báo cáo tóm tắt các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, kế hoạch làm việc khoa học, đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác. Báo cáo này phải được Thủ trưởng đơn vị cơ sở xác nhận.

c) Bảng tổng hợp bề dày thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng; (*Phụ lục 3 - Kê khai bề dày thành tích*)

d) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Biên bản họp toàn thể cơ quan đối với các trường hợp thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện; Biên bản Hội nghị thi đua đơn vị cơ sở đối với các trường hợp thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

e) Đĩa hoặc USB lưu file Báo cáo thành tích, file Bản tóm tắt thành tích hoặc gửi file Báo cáo thành tích, file Bản tóm tắt thành tích về hộp thư điện tử của Phòng Thi đua - Khen thưởng: tatc.thidua@toaan.gov.vn.

7.4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong ngành Tòa án nhân dân - 1 bộ gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị cơ sở kèm theo danh sách các cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) 04 bản Báo cáo tóm tắt quá trình công tác của cá nhân được đề nghị khen thưởng; (Phụ lục 1 - Mẫu báo cáo thành tích)

III. MỘT SỐ VẬN DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc bỏ phiếu suy tôn tại Cụm thi đua, đơn vị cơ sở, tập thể nhỏ và bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp:

Việc bỏ phiếu kín khi xét danh hiệu thi đua được hướng dẫn tại Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ. Căn cứ đặc thù tổ chức và hoạt động của ngành Tòa án nhân dân, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phải bỏ phiếu kín khi xét các danh hiệu thi đua từ “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và các hình thức khen thưởng từ Bằng khen trở lên. Chỉ các trường hợp đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 2/3 trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu) thì mới đủ điều kiện trình khen thưởng.

Việc bỏ phiếu suy tôn các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng là thể hiện sự thừa nhận thành tích đã đạt được của các tập thể, cá nhân trên cơ sở các chỉ tiêu công tác cụ thể, thừa nhận sự vượt trội, nổi bật của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng so với các tập thể, cá nhân khác, do đó, mỗi vòng bỏ phiếu chỉ tiến hành không quá 2 lần. Nếu sau 2 lần bỏ phiếu mà chưa lựa chọn được tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, thì việc xét, đề nghị khen thưởng do Thủ trưởng đơn vị cơ sở hoặc Trưởng cụm và Phó trưởng cụm thi đua (đối với danh hiệu Cờ thi đua) quyết định. Trong trường hợp này, các tập thể, cá nhân là nhân tố mới, các tập thể, cá nhân có thành tích công tác nổi bật hơn sẽ được ưu tiên xét, đề nghị khen thưởng.

2. Về danh hiệu “Chiến sĩ thi đua”:

2.1. Khi bình xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” các đơn vị phải áp dụng đúng tiêu chuẩn và chỉ đề nghị khen thưởng đối với các cá nhân đảm bảo tiêu chuẩn “Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, kế hoạch làm việc khoa học, đề tài khoa học hoặc áp dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác...”. Không đề nghị khen thưởng đối với cá nhân không có sáng kiến hoặc có sáng kiến, những sáng kiến đó đã được sử dụng làm căn cứ để khen thưởng các năm trước.

2.2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm xem xét, đánh giá tính chất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cải

tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, kế hoạch làm việc khoa học, đề tài khoa học hoặc áp dụng công nghệ mới đối với các trường hợp thuộc Tòa án nhân dân địa phương.

2.3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân chịu trách nhiệm xem xét, đánh giá tính chất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, kế hoạch làm việc khoa học, đề tài khoa học hoặc áp dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối với các trường hợp thuộc Tòa án nhân dân tối cao và các trường hợp được đề nghị khen thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

3. Về trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo:

3.1. Đối với các đơn vị cơ sở hoặc tập thể nhỏ không được xét, đề nghị khen thưởng do không đạt chỉ tiêu thi đua, thì tùy từng mức độ không đạt chỉ tiêu thi đua, thủ trưởng của đơn vị cơ sở hoặc tập thể nhỏ bị hạ mức khen thưởng hoặc không được xét khen thưởng.

3.2. Thủ trưởng các đơn vị cơ sở, tập thể nhỏ chỉ phải chịu trách nhiệm của người lãnh đạo đối với các vụ án bị sửa, huỷ và các vấn đề khác xảy ra từ khi được đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo đơn vị hoặc được phân công phụ trách đơn vị, không phải chịu trách nhiệm đối với các vấn đề xảy ra trước thời điểm được đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo đơn vị hoặc được phân công phụ trách đơn vị.

4. Việc khen thưởng các trường hợp có án bị huỷ, sửa không chính xác:

Các tập thể, cá nhân không được xét khen thưởng vì có án bị huỷ, sửa, nhưng sau đó cấp giám đốc thẩm xét xử lại và kết luận việc huỷ, sửa án đó là chưa chính xác thì có thể được xem xét, đề nghị khen thưởng bổ sung.

Thủ trưởng các đơn vị phải có văn bản đề nghị khen thưởng bổ sung và việc đề nghị khen thưởng bổ sung vẫn phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đối tượng và thủ tục đề nghị khen thưởng theo quy định chung.

5. Việc khen thưởng đối với các trường hợp chuyển công tác:

5.1. Đối với các trường hợp chuyển công tác ra khỏi ngành Tòa án nhân dân: Đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng trên cơ sở ý kiến nhận xét của đơn vị thuộc ngành Tòa án nhân dân.

5.2. Trường hợp cá nhân được chuyển công tác trong phạm vi ngành Tòa án nhân dân: Nếu có thời gian làm việc tại đơn vị cũ từ 10 tháng trở lên, thì đơn vị cũ xem xét đề nghị khen thưởng; nếu có thời gian làm việc tại đơn vị cũ dưới 10 tháng, thì đơn vị mới xem xét, đề nghị khen thưởng trên cơ sở báo cáo thành tích có xác nhận kết quả công tác và thành tích đạt được trong thời gian công tác tại đơn vị cũ.

5.3. Đối với các trường hợp được điều động có thời hạn: Đơn vị công tác chính của cán bộ, công chức có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng trên cơ sở ý kiến nhận xét của đơn vị được điều động đến công tác.

6. Việc khen thưởng đối với tập thể có cá nhân bị xử lý kỷ luật:

6.1. Không xét khen thưởng đối với tập thể có cán bộ bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Các tập thể có cán bộ bị xử lý kỷ luật khiến trách vẫn có thể được xét đề nghị khen thưởng, nhưng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của tập thể đó phải thấp hơn một bậc so với các tập thể khác có cùng thành tích.

6.2. Trường hợp cán bộ vi phạm ở một tập thể, sau đó chuyển đến công tác tại tập thể khác: Căn cứ kết quả xử lý kỷ luật đối với cá nhân, tập thể - nơi đã xảy ra vi phạm không được xét thi đua hoặc bị hạ bậc thi đua.

6.3. Trường hợp cán bộ ở tập thể này được điều động có thời hạn đến công tác ở tập thể khác và để xảy ra vi phạm trong thời gian điều động công tác: Tập thể - nơi cán bộ được điều động đến công tác không được xét thi đua hoặc bị hạ bậc thi đua.

6.4. Đối với các trường hợp có vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật, thời điểm không được xét thi đua hoặc bị hạ bậc thi đua là thời điểm vi phạm được phát hiện.

6.5. Các đơn vị chủ động phát hiện vụ việc vi phạm của cán bộ, công chức trong đơn vị mình để xử lý kỷ luật vẫn bị cắt thi đua hoặc bị hạ bậc thi đua. Căn cứ tính chất của vụ việc vi phạm có thể xem xét, đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thấp hơn.

7. Việc vận dụng các quy định về tiêu chuẩn khen thưởng :

7.1. Không cộng dồn thành tích đã dùng làm căn cứ khen thưởng lần trước để nâng mức khen thưởng cho lần sau.

7.2. Các trường hợp đã được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” (hoặc danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”) thì không được dùng các danh hiệu thi đua đạt được trước thời điểm được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” (hoặc danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”) để làm căn cứ, tiêu chuẩn đề nghị xét, tặng thưởng các danh hiệu này lần tiếp theo. Thời hạn lập hồ sơ trình khen thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” không quá 15 tháng kể từ ngày cá nhân đó có đủ tiêu chuẩn và điều kiện khen thưởng theo quy định.

Ví dụ 1: Một cá nhân đã được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” liên tục trong các năm 2003, 2004, 2005 thì năm 2005 có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” lần thứ nhất; nếu cá nhân này tiếp tục được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” liên tục

trong các năm 2006, 2007, 2008 thì kết thúc năm thi đua 2008, cá nhân này có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” lần thứ hai. Nếu có đủ điều kiện và tiêu chuẩn khen thưởng, thì cá nhân này có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” chậm nhất vào đợt đề nghị khen thưởng cuối năm 2009.

Ví dụ 2: Một cá nhân đã được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” năm 2005, sau đó liên tục trong các năm 2006, 2007, 2008 được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, thì kết thúc năm thi đua 2008, cá nhân này có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân”; nếu cá nhân này tiếp tục được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” liên tục trong các năm 2009, 2010, 2011 thì kết thúc năm thi đua 2011, cá nhân này có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” lần tiếp theo. Nếu có đủ điều kiện và tiêu chuẩn khen thưởng thì cá nhân này có thể được xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” lần thứ hai chậm nhất vào đợt đề nghị khen thưởng năm 2012.

7.3. Các trường hợp đã được tặng thưởng Huân chương Lao động thì không được dùng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trước thời điểm được tặng thưởng Huân chương để làm căn cứ, tiêu chuẩn đề nghị xét, tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc Huân chương Lao động.

Ví dụ: Một tập thể/cá nhân đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba năm 2006, thì thành tích dùng để xét, đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc Huân chương Lao động hạng Nhì là thành tích từ năm 2007 đến khi xét khen thưởng.

7.4. Trong một năm, không trình khen thưởng 2 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một đối tượng, trừ các trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất. Các trường hợp đề nghị tặng thưởng Huân chương Lao động, mà một trong các tiêu chuẩn là “*được tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ*”, thì sau 2 năm kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định tặng thưởng Bằng khen mới được đề nghị xét, tặng thưởng Huân chương Lao động.

7.5. Việc truy tặng Huân chương các loại chỉ áp dụng đối với cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét, đề nghị tặng thưởng Huân chương nhưng bị chết đột ngột khi còn đang công tác.

7.6. Các tập thể, cá nhân không đạt chỉ tiêu thi đua vì lý do khách quan như: số lượng vụ án tăng đột biến, nhưng biên chế không được bổ sung kịp thời vẫn có thể được xem xét, đề nghị khen thưởng nếu số lượng và chất lượng công việc đã giải quyết cao hơn năm trước.

7.7. Việc lấy ý kiến hiệp ý khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do Ban Thi đua - Khen thưởng trung ương thực hiện.

IV. VIỆC CUNG CẤP SỐ LIỆU PHỤC VỤ BÌNH XÉT THI ĐUA

Để kịp thời phục vụ việc bình xét thành tích trong công tác thi đua, khen thưởng, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm cung cấp cho Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân số liệu về chất lượng công tác xét xử, số liệu về cán bộ, công chức vi phạm, bị xử lý kỷ luật hoặc bị xử lý về hình sự, chất lượng, hiệu quả quản lý và sử dụng kinh phí... của các đơn vị trong ngành Tòa án nhân dân. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh cung cấp cho Trưởng cụm thi đua số liệu về chất lượng công tác xét xử, số liệu về cán bộ, công chức vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc bị xử lý về hình sự, chất lượng, hiệu quả quản lý và sử dụng kinh phí... của ngành Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Thời hạn cung cấp số liệu: Trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

(Phụ lục 5 - Báo cáo chất lượng xét xử)

Để có căn cứ đánh giá phong trào thi đua và xét khen thưởng, các Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi các Quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân cùng hồ sơ đề nghị khen thưởng dịp tổng kết công tác hàng năm.

V. VIỆC TỔ CHỨC SƠ KẾT, TỔNG KẾT CÔNG TÁC CỦA CỤM THI ĐUA

1. Thời gian tổ chức và các nội dung chính:

a) Hội nghị sơ kết công tác thi đua của các cụm thi đua được tổ chức xong trước ngày 30 tháng 5 hàng năm.

Các nội dung cơ bản của Hội nghị sơ kết công tác thi đua:

- Kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Tòa án nhân dân; báo cáo kết quả và chất lượng xét xử các loại vụ án;

- Trao đổi, rút kinh nghiệm việc tổ chức các phong trào thi đua; kinh nghiệm triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng;

- Xây dựng phương hướng công tác thi đua, khen thưởng 6 tháng cuối năm; Lập kế hoạch kiểm tra chéo đối với các tập thể đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân, Cờ thi đua của Chính phủ.

- Đóng góp ý kiến vào sự chỉ đạo, điều hành của Tòa án nhân dân tối cao đối với các mặt hoạt động của ngành Tòa án nhân dân.

b) Hội nghị tổng kết công tác thi đua của các cụm thi đua được tổ chức xong trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Các nội dung cơ bản của Hội nghị tổng kết công tác thi đua:

- Tổng kết phong trào thi đua, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Tòa án nhân dân;
- Trao đổi, rút kinh nghiệm công tác xét xử các loại vụ án; trao đổi, rút kinh nghiệm việc tổ chức các phong trào thi đua, kinh nghiệm triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng; đóng góp ý kiến về công tác chỉ đạo, điều hành của Tòa án nhân dân tối cao đối với các mặt hoạt động của ngành Tòa án nhân dân;
- Các tập thể đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”, “Cờ thi đua của Chính phủ” báo cáo thành tích đã đạt được trong năm, báo cáo kết quả và chất lượng xét xử các loại vụ án;
- Thông báo kết quả kiểm tra chéo đối với các tập thể được đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”, “Cờ thi đua của Chính phủ”;
- Bỏ phiếu suy tôn các tập thể được đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”, “Cờ thi đua của Chính phủ”;
- Giới thiệu và bầu Trưởng cụm, Phó Trưởng cụm thi đua năm tiếp theo;
- Thông qua bản giao ước thi đua và ký kết giao ước thi đua năm tiếp theo giữa các đơn vị trong cụm thi đua.

Các Trưởng cụm thi đua phải trao đổi trước với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân về thời gian tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết để tổng hợp, trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

2. Thành phần: Đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc Phó Chánh án được uỷ quyền và thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trong cụm thi đua.

3. Địa điểm: Địa điểm tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác thi đua của các cụm thi đua do Trưởng cụm thi đua quyết định.

4. Báo cáo kết quả Hội nghị: Báo cáo kết quả kèm theo biên bản Hội nghị tổng kết, sơ kết công tác thi đua, khen thưởng của các cụm thi đua phải được gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân trong thời hạn 10 ngày kể từ khi kết thúc Hội nghị.

5. Hội nghị rút kinh nghiệm công tác xét xử: Nhằm nâng cao chất lượng công tác xét xử và làm cơ sở tham khảo khi bình xét thi đua, trước khi tổ chức Hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng, các Trưởng cụm thi đua Tòa án nhân dân địa phương phối hợp với Chánh toà Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm công tác xét xử trong địa bàn cụm.

6. Kinh phí tổ chức: Kinh phí tổ chức Hội nghị sơ kết, Hội nghị tổng kết công tác thi đua của các cụm thi đua và Hội nghị rút kinh nghiệm công tác xét xử do Trưởng cụm thi đua chi theo chế độ hiện hành từ nguồn kinh phí do Toà án nhân dân tối cao cấp cho các hoạt động của cụm thi đua.

7. Chánh án Toà án quân sự Trung ương quyết định việc tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác thi đua của cụm thi đua các đơn vị thuộc ngành Toà án quân sự và thông báo cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Toà án nhân dân biết để tham gia chỉ đạo Hội nghị.

8. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Toà án nhân dân phân công cán bộ lãnh đạo Toà án nhân dân tối cao hoặc cử thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Toà án nhân dân đi dự và chỉ đạo Hội nghị. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Toà án nhân dân cử cán bộ đi dự để giải đáp, hướng dẫn và tổng hợp các kiến nghị của Toà án nhân dân địa phương về công tác thi đua, khen thưởng.

VI. HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA TRONG CÔNG TÁC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Để đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Chỉ thị số 39/CT-TW ngày 21/5/2004 về việc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Toà án nhân dân chịu trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác thi đua của các đơn vị trong ngành Toà án nhân dân.

Nội dung kiểm tra bao gồm:

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó tập trung chủ yếu vào các vấn đề: Tổ chức phong trào thi đua; xây dựng chỉ tiêu thi đua và vận dụng tiêu chuẩn khen thưởng; quá trình bình xét thi đua và lập hồ sơ đề nghị khen thưởng ...;

- Kiểm tra, đánh giá thành tích thực tế của các đơn vị được đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Toà án nhân dân”, “Cờ thi đua của Chính phủ” và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước;

- Kiểm tra việc thực hiện quy trình nghiệp vụ, thực hiện cải cách thủ tục hành chính khi bình xét thi đua và đề nghị khen thưởng;

- Kiểm tra việc quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng;

- Hướng dẫn hoặc làm rõ những nội dung liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng theo yêu cầu của đơn vị được kiểm tra.

Căn cứ các nội dung kiểm tra nêu trên, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Toà án nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với đặc điểm của từng đơn vị.

Khi có yêu cầu của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị trong ngành Tòa án nhân dân, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân báo cáo Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân, lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức thực hiện theo yêu cầu của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Kiểm tra chéo là công việc bắt buộc trong hoạt động của các cụm thi đua, làm căn cứ để bình xét thành tích, đề nghị khen thưởng của các cụm thi đua. Tại Hội nghị sơ kết công tác thi đua, các cụm thi đua lập kế hoạch kiểm tra chéo đối với các tập thể đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”, “Cờ thi đua của Chính phủ”. Trước khi tiến hành Hội nghị tổng kết công tác thi đua, Trưởng cụm thi đua có trách nhiệm tổ chức kiểm tra chéo giữa các tập thể đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”, “Cờ thi đua của Chính phủ” và báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân về kế hoạch kiểm tra để kịp thời chỉ đạo và tham gia khi cần thiết.

Cụm thi đua nào không tổ chức kiểm tra chéo thì các tập thể trong Cụm thi đua đó không được xem xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân”, “Cờ thi đua của Chính phủ” và cá nhân Trưởng cụm, Phó Trưởng cụm không được xét, đề nghị khen thưởng.

VII. CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CỦA NGÀNH TOÀ ÁN QUÂN SỰ

Do đặc thù tổ chức và hoạt động của ngành Tòa án quân sự, trên cơ sở các nội dung hướng dẫn trong văn bản này, Chánh án Tòa án quân sự trung ương hướng dẫn cụ thể về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tòa án quân sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với quy định, hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Quốc phòng.

VIII. QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CỦA NGÀNH TOÀ ÁN NHÂN DÂN

1. Thành lập quỹ thi đua, khen thưởng:

Việc thành lập quỹ thi đua, khen thưởng của ngành Tòa án nhân dân, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của ngành Tòa án nhân dân thực hiện theo quy định tại các Điều 67, 68, 69 Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng.

Quỹ thi đua, khen thưởng của ngành Tòa án nhân dân được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, nhân viên trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm;

2. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng:

Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để:

2.1. Chi cho việc in, viết Giấy chứng nhận các danh hiệu thi đua, Giấy khen, Bằng khen, Bằng Kỷ niệm chương, làm Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân, Huy hiệu Kỷ niệm chương, Huy hiệu Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân, khung bằng và làm các ấn phẩm, kỷ vật khác phục vụ công tác thi đua, khen thưởng.

2.2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các tập thể, cá nhân.

2.3. Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp.

3. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng:

3.1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan có chức năng quản lý kinh phí của cấp đó quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch hàng năm; việc quyết toán quỹ thi đua, khen thưởng căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

3.2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng được giao. Tuy nhiên, do đặc thù công tác quản lý Tòa án nhân dân địa phương, hàng năm Tòa án nhân dân tối cao phân bổ kinh phí thi đua, khen thưởng cho các Tòa án nhân dân địa phương trong tổng số kinh phí định mức để phục vụ công tác thi đua, khen thưởng và chi tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân và các Hội thẩm nhân dân thuộc quyền quản lý.

(Xem hướng dẫn chi tiết hàng năm của Tòa án nhân dân tối cao về quản lý và sử dụng ngân sách)

3.3. Tòa án nhân dân tối cao chi tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” cho các tập thể, cá nhân trong các đơn vị thuộc ngành Tòa án nhân dân; tiền thưởng kèm theo hình thức khen thưởng Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án” cho các tập thể, cá nhân thuộc ngành Tòa án quân sự và các Hội thẩm quân nhân.

4. Nguyên tắc chi thưởng:

Các tập thể, cá nhân được khen thưởng ngoài việc được nhận các hiện vật khen thưởng, như: Huân chương, Cờ thi đua, Bằng khen, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án”, Huy hiệu, Giấy khen, Giấy chứng nhận danh hiệu thi đua và khung bằng, còn được thưởng bằng tiền theo nguyên tắc:

4.1. Trong một đợt xét khen thưởng, với cùng một thành tích và một khoảng thời gian xét khen thưởng, nếu các tập thể, cá nhân được khen thưởng nhiều danh hiệu thi đua khác nhau, thì chỉ được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua có mức tiền thưởng cao nhất.

Ví dụ: Một cá nhân đã được tặng thưởng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, sau đó cá nhân này được xét, tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, thì cá nhân này chỉ được nhận một khoản tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

4.2. Trong một đợt xét khen thưởng, nếu các tập thể, cá nhân được khen thưởng nhiều danh hiệu thi đua, mà các danh hiệu thi đua đó có thành tích và thời gian xét khen thưởng khác nhau, thì được nhận tiền thưởng của tất cả danh hiệu thi đua đó.

Ví dụ: Một cá nhân đã được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, sau đó cá nhân này được xét, tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân”, thì cá nhân này được nhận 2 khoản tiền thưởng là tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân”.

4.3. Trong một đợt xét khen thưởng, nếu các tập thể, cá nhân vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng, thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua có mức tiền thưởng cao nhất và của cả hình thức khen thưởng.

Ví dụ 1: Một tập thể đã được tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, sau đó được tặng thưởng Giấy khen, thì tập thể này được nhận 2 khoản tiền thưởng là tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và tiền thưởng kèm theo Giấy khen.

Ví dụ 2: Một cá nhân đã được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, sau đó được xét, tặng thưởng Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thì cá nhân này được nhận 2 khoản tiền thưởng là tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và tiền thưởng kèm theo Bằng khen.

Ví dụ 3: Một cá nhân đã được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, sau đó cá nhân này được xét, tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân”, đồng thời được tặng thưởng Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thì cá nhân này được nhận 3 khoản tiền thưởng là tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” và tiền thưởng kèm theo Bằng khen.

4.4. Ngoài các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền của ngành Tòa án nhân dân trình hoặc quyết định khen thưởng, nếu tập thể, cá nhân trong ngành Tòa án nhân dân được địa phương hoặc ngành khác khen thưởng, thì vẫn được nhận tiền thưởng của địa phương hoặc ngành khác chỉ kèm theo hình thức khen thưởng theo quy định chung.

5. Tiền thưởng:

Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày

15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng.

Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định khen thưởng.

5.1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua:

5.1.1. Đối với cá nhân:

- a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được thưởng 0,3 lần mức lương tối thiểu.
- b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được thưởng 1,0 lần mức lương tối thiểu.
- c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân” được thưởng 3,0 lần mức lương tối thiểu.
- d) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được thưởng 4,5 lần mức lương tối thiểu.

5.1.2. Đối với tập thể:

- a) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được thưởng 0,8 lần mức lương tối thiểu.
- b) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được thưởng 1,5 lần mức lương tối thiểu.
- c) Danh hiệu “Cờ thi đua của ngành Tòa án nhân dân” được thưởng 15,5 lần mức lương tối thiểu.
- d) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được thưởng 24,5 lần mức lương tối thiểu.

5.2. Mức tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng:

5.2.1. Đối với cá nhân:

- a) Giấy khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh được thưởng 0,3 lần mức lương tối thiểu.
- b) Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao được thưởng 1,0 lần mức lương tối thiểu.
- c) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án” được thưởng 0,6 lần mức lương tối thiểu.
- d) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được thưởng 1,5 lần mức lương tối thiểu.
- đ) Huân chương Lao động hạng ba được thưởng 4,5 lần mức lương tối thiểu.
- e) Huân chương Lao động hạng nhì được thưởng 7,5 lần mức lương tối thiểu.

f) Huân chương Lao động hạng nhất được thưởng 9,0 lần mức lương tối thiểu.

g) Huân chương Độc lập hạng ba được thưởng 10,5 lần mức lương tối thiểu.

h) Huân chương Độc lập hạng nhì được thưởng 12,5 lần mức lương tối thiểu.

i) Huân chương Độc lập hạng ba được thưởng 15,0 lần mức lương tối thiểu.

k) Huân chương Hồ Chí Minh được thưởng 30,5 lần mức lương tối thiểu.

l) Huân chương Sao vàng được thưởng 46,0 lần mức lương tối thiểu.

5.2.2. Đối với tập thể:

Mức tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng được tặng cho các tập thể gấp 2 lần mức tiền thưởng đối với cá nhân. (*Phụ lục 4 - Tiền thưởng*)

6. Tiền khung bằng:

1. Khung Giấy chứng nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tòa án nhân dân”, khung Giấy chứng nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, khung Bằng khen, khung Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tòa án”: Giá tiền 01 khung không quá 0,2 lần mức lương tối thiểu.

2. Khung Giấy khen và khung Giấy chứng nhận các danh hiệu thi đua khác: Giá tiền 01 khung không quá 0,15 lần mức lương tối thiểu.

7. Các quyền lợi khác:

Cá nhân được tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng, ngoài việc được khen thưởng theo quy định, còn được ưu tiên xét lên lương trước thời hạn và các chế độ ưu đãi khác do Nhà nước quy định.

Văn bản này thay thế công văn số 38/TA-TĐKT ngày 15/3/2011, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu Chánh án Tòa án quân sự trung ương, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quán triệt tới các tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, thì báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tòa án nhân dân để hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận :

- Ban Thi đua - Khen thưởng trung ương (để báo cáo);
- Các Bộ, Ngành trong Khối thi đua nội chính (để biết);
- Đ/c Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Các đ/c PCA TANDTC (để phối hợp chỉ đạo);
- Các thành viên HĐĐKT ngành TAND;
- Tòa án quân sự trung ương (để thực hiện);
- Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao (để thực hiện);
- TAND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để thực hiện);
- Lưu VP và Thường trực HĐĐKT.

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**

Trần Văn Tú

www.LuatVietnam.vn